



TẬP 01-SỐ 03

09/2023

TẠP CHÍ

ISSN 2185-6145

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUI

JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY QUI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH – QUANG NINH UNIVERSITY OF INDUSTRY



**THI ĐUA LẬP THÀNH TÍCH CHÀO MỪNG 65 NĂM NGÀY
THÀNH LẬP TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH**

25/11/1958-25/11/2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH
Nâng tầm tri thức - vững bước tương lai

MỤC LỤC

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Bùi Thanh Nhu

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

TS. Hoàng Hùng Thắng

ỦY VIÊN BAN BIÊN TẬP

TS. Giang Quốc Khánh
TS. Phạm Đức Thang
ThS. Hà Thị Ngọc Mai
ThS. Cao Hải An
ThS. Đặng Đình Đức
Nguyễn Thị Mai Hương

TÒA SOẠN

Trường Đại học Công nghiệp
Quảng Ninh. Phường Yên
Thọ, Thị xã Đông Triều, tỉnh
Quảng Ninh
Điện thoại: 0203.3871.092
Email: nckh@qui.edu.vn
Website: <https://jstqui.vn>

Giấy phép xuất bản:

Số 606/GP-BTTTT của Bộ
Thông tin và Truyền thông,
ngày 29 tháng 12 năm 2022

KHOA HỌC TRÁI ĐẤT VÀ MỎ

- * Giải pháp chuẩn bị lò chợ theo hướng xiên chéo nhằm tăng hiệu quả chống trôi trượt đồng bộ thiết bị cơ giới hóa khai thác
Phạm Đức Thang
Khương Phúc Lợi
Hoàng Văn Nghị
6
- * Nghiên cứu khả năng định vị điểm bằng camera của máy GNSS-RTK HI-Target
Trần Thanh Sơn
Lê Thị Liên
Hoàng Văn Tuấn
14
- * Đánh giá hiệu quả phần mềm MAIN trong công tác tính khối lượng san nền tại Khu công nghiệp Bim Sơn - Thanh Hóa
Hoàng Văn Tuấn
Lê Thị Liên
Lê Duy Hiếu
23

ĐIỆN TỬ - TỰ ĐỘNG HÓA

- * Ứng dụng điều khiển DC-DC hai chiều trong mạch sạc điện và xả điện cho acquy xe điện
Tạ Thị Mai
Phạm Thị Hương
33
- * Tối ưu hóa điều khiển robot bằng sóng hồng ngoại: sử dụng thuật toán PSO
Lê Quyết Thắng
42
- * Nghiên cứu lỗi của động cơ không đồng bộ roto lồng sóc 3 pha 1,5kw 4 cực trong trường hợp sự cố thanh dẫn roto
Lưu Bình,
Trần Thanh Tuyền
Nguyễn Thu Hương
Ngô Văn Hà
49

QUẢN LÝ GIÁO DỤC

- * Áp dụng mô hình “Blended learning” trong giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh
Đông Thị An Sinh
58
- * Xây dựng đề thi học phần đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo tại Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh
Nguyễn Thị Phương
Trương T. Mỹ Lương
Nguyễn Thu Hiền
66

MỤC LỤC

NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ CỦA TẠP CHÍ

- Khoa học về trái đất và mỏ;
- Kỹ thuật môi trường;
- Điện tử-tự động hóa;
- Tiết kiệm năng lượng-cơ khí;
- Công nghệ thông tin;
- Khoa học tự nhiên;
- Khoa học kinh tế;
- Chính trị, xã hội.

TẦN SUẤT XUẤT BẢN

Tạp chí điện tử Khoa học và Công nghệ QUI được xuất bản với phiên bản điện tử, định kỳ với 4 số báo trong 1 năm (vào các tháng 3, 6, 9, 12)

Thiết kế trang bìa 1:

TS. Giang Quốc Khánh

Ảnh bìa 1: Lễ trao bằng tốt nghiệp thạc sĩ và đại học chính quy năm 2023 (Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

- | | | |
|--|--|----|
| * Nâng cao hiệu quả công tác lập thời khóa biểu các lớp tín chỉ theo tiêu chí đào tạo lấy người học làm trung tâm | Hoàng Thị Trang
Nguyễn Thị Hiền
Bùi Duy Khuông | 72 |
| * Lồng ghép giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT thông qua các chủ đề hóa học | Phạm Thị Thủy | 81 |
| * Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục sinh viên năm thứ nhất tại Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh | Nguyễn T. Thanh Hoa | 87 |

CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI

- | | | |
|--|------------|----|
| * Cán bộ, đảng viên với việc tu dưỡng đạo đức cách mạng trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay | Vũ Ngọc Hà | 94 |
|--|------------|----|

CONTENTS

EDITOR-IN-CHIEF

Ph.D. Bui Thanh Nhu

DEPUTY EDITOR-IN-CHIEF

Ph.D. Hoang Hung Thang

EDITORIAL BOARD

Ph.D. Giang Quoc Khanh

Ph.D. Pham Duc Thang

M.A. Ha Thi Ngoc Mai

M.A. Cao Hai An

M.E. Dang Dinh Duc

Nguyen Thi Mai Huong

EDITORIAL OFFICE

Quang Ninh University of
Industry, Yen Tho Ward, Dong
Trieu Town, Quang Ninh
Province

Phone: 0203.3871.092

Email: nckh@qui.edu.vn

Website: <https://jstqui.vn>

License:

№ 606/GP-BTTTT of the
Ministry of Information and
Communications, December
29, 2022

SCIENCE OF EARTH AND MINES

- * Preparation solutions to improve anti-drift efficiency for complex mechanized equipment in diagonal working face **Pham Duc Thang
Khuong Phuc Loi
Hoang Van Nghi** 6
- * Research on camera positioning capabilities of GNSS-RTK HI-Target receivers **Tran Thanh Son
Le Thi Lien
Hoang Van Tuan** 14
- * Assessment of main's effectiveness for leveling volume calculations in Bim Son Industrial park - Thanh Hoa **Hoang Van Tuan
Le Thi Lien
Le Duy Hieu** 23

ELECTRONICS-AUTOMATION

- * Application of bidirectional DC-DC converter in charging and discharging circuits for batteries of electric vehicles **Ta Thi Mai
Pham Thi Huong** 33
- * Optimization of robot control by infrared waves: Using PSO (particle swarm optimization) algorithm **Le Quyet Thang** 42
- * Research fault of a squirrel cage asynchronous motor 1,5kW, 4 poles in the case of rotor-bars failure **Lưu Bình,
Trần Thanh Tuyền
Nguyễn Thu Hương
Ngô Văn Hà** 49

EDUCATION MANAGEMENT

- * Application of blended learning form in teaching english to students of Quang Ninh University of Industry **Đông Thi An Sinh** 58
- * Constructing tests to meet the program outcome standards at Quang Ninh University of Industry **Nguyen Thi Phuong
Truong T. My Luong
Nguyen Thu Hien** 66
- * Improving the efficiency of credit class schedule working by student-cented training criteria **Hoang Thi Trang
Nguyen Thi Hien
Bui Duy Khuong** 72

CONTENTS

THEMATIC CONTENT OF THE JOURNAL

- Science of earth and mines;
- Environmental engineering;
- Electrical engineering,
Electronics-automation;
- Energy saving-mechanical;
- Information technology;
- Basic science;
- Economics;
- Political and social Science.

PUBLICATION FREQUENCY

QUI Journal of Science and Technology is published with an electronic version, periodically with 4 issues in 1 year (in March, June, 9, and December).

Cover photo 1:

Ph.D. Giang Quoc Khanh

Cover photo 1: Graduation degree ceremony for masters and formal university students in 2023 (Quang Ninh University of Industry)

* Integrated life skills education for high school students through chemistry topics **Pham Thi Thuy** 81

* Solutions to improve the efficiency of educational management of first year students at Quang Ninh University of Industry **Nguyen T. Thanh Hoa** 87

POLITICAL AND SOCIAL SCIENCE

* Cadres and party members with cultivating revolutionary ethics in the conditions of a socialist-oriented market economy in Viet Nam today **Vu Ngoc Ha** 94

ÁP DỤNG MÔ HÌNH “BLENDED LEARNING” TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Đồng Thị An Sinh

Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

Email: dongthiansinh@qui.edu.vn

TÓM TẮT

Phương thức dạy và học trực tuyến hiện nay được xem là giải pháp tối ưu khi sinh viên không thể tham gia học tập theo phương thức truyền thống. Tuy nhiên hiện tại để đạt được hiệu quả tối ưu của phương thức này, cả giảng viên và sinh viên cần phải có thời gian để thay đổi và thích ứng, đó là lý do cho ra đời mô hình học tập kết hợp (Blended learning), mô hình này là kết hợp giữa dạy và học theo phương thức truyền thống và trực tuyến, mô hình vừa phát huy được ưu điểm của phương thức dạy học truyền thống vừa giúp giảng viên và sinh viên có thời gian để làm quen dần với mô hình trực tuyến. Trên cơ sở thực nghiệm giảng dạy và khảo sát ý kiến của giảng viên và sinh viên, tác giả đưa ra một số đề xuất để có thể áp dụng mô hình dạy học này vào giảng dạy các học phần tiếng Anh tại Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh (ĐHCN Quảng Ninh).

Từ khóa: dạy học truyền thống, dạy tiếng Anh, học kết hợp, học trực tuyến.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây cùng với sự bùng nổ mạnh mẽ về công nghệ thông tin ở mọi lĩnh vực, việc xuất hiện môi trường mạng và hệ thống máy tính với các ứng dụng công nghệ thông tin tạo ra một khuynh hướng mới trong dạy học trực tuyến (E-learning). Mô hình này được phát triển dựa trên ứng dụng nền tảng công nghệ số trong dạy học giúp sinh viên rèn luyện ý thức tự học và tính tự giác trong việc lựa chọn không gian học, thời gian học. Nó đã góp phần thay đổi vai trò của người thầy từ người truyền đạt thông tin đơn thuần thành người thầy có khả năng đóng vai trò của người hỗ trợ, người uốn nắn, người cố vấn, người đào tạo. Với việc mở rộng ứng dụng e-learning, một số trở ngại bắt đầu xuất hiện trong việc sử dụng rộng rãi nó, đặc biệt là trong giáo dục công lập. Điều này là do nó thiếu sự tương tác trực tiếp giữa người dạy và người học vì nó tập trung vào khía cạnh nhận thức và bỏ qua khía cạnh cảm xúc và kỹ năng. Từ đây, khái niệm Blended learning ra đời nhằm khắc phục những trở ngại của E-learning và hạn chế được tính cứng nhắc, bó buộc của mô hình dạy học truyền thống. Việc ứng dụng mô hình Blended learning

trong giảng dạy bậc đại học là một lựa chọn hợp lý, giúp sinh viên phát triển tốt kỹ năng học tập, kỹ năng tư duy, kỹ năng giao tiếp, giúp giảng viên có thể linh động và áp dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy để thu hút người học.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1. Khái niệm

Davis & Fill [1] cho rằng Blending Learning là sự tích hợp những phương pháp giảng dạy trực diện (giáp mặt) truyền thống và các hoạt động học tập trực tuyến xác thực được hỗ trợ bởi các nền tảng công nghệ thông tin. Theo tác giả Neumeier [2], Blended learning là sự kết hợp của hình thức học tập trực tiếp (mặt đối mặt) và hình thức học tập có sự hỗ trợ của máy tính trong môi trường dạy và học riêng lẻ. Bonk và Graham [3] nhận định: Blended learning là: Kết hợp các phương thức giảng dạy (hoặc cung cấp các phương tiện truyền thông); Kết hợp các phương pháp giảng dạy; Kết hợp học tập trực tuyến và dạy học truyền thống.

Tại Việt Nam, Blended learning còn chưa phổ biến, không có nhiều nghiên cứu về mô hình này. Tác giả Nguyễn Danh Nam [4] đã đưa ra nhận

định: Sự kết hợp giữa E-learning với lớp học truyền thống trở thành một giải pháp tốt, nó tạo thành một mô hình đào tạo gọi là “Blended Learning”. Để phù hợp với môi trường học tập, trình độ học sinh và khả năng công nghệ thông tin và truyền thông ở Việt Nam, chúng tôi cho rằng Blended Learning là sự kết hợp “hữu cơ”, bổ sung lẫn nhau giữa hình thức tổ chức dạy học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và hình thức tổ chức dạy học qua mạng E-learning với tính tự giác của học sinh thành một thể thống nhất, trong đó các phương pháp dạy học được vận dụng mềm dẻo để tận dụng tối đa ưu điểm của công nghệ thông tin và truyền thông nhằm mang lại hiệu quả học tập tốt nhất. Tác giả Ngô Thị Mai [5] cho rằng: đứng trước bối cảnh chuyển đổi số, các trường đại học đều xây dựng chiến lược ứng dụng công nghệ trong quản lý và giảng dạy, vì vậy mô hình đào tạo kết hợp trở thành một hình thức cạnh tranh trong những năm tới đây. Khi dịch Covid-19 diễn ra đã chứng minh sự ưu việt của đào tạo kết hợp, nhiều trường đã kết hợp giảng dạy trực tiếp trên lớp và trực tuyến đối với những sinh viên bị cách ly không thể đến trường, đồng thời sự tích hợp hệ thống tự quản lý nội dung học tập giúp người học chủ động trong quá trình học tập của mình.

2.2 Các mô hình Blended learning

Mô hình Blended learning là một hình thức dạy học tích cực, đặc biệt là sự kết hợp giữa mô hình học dạy học truyền thống và mô hình dạy học trực tuyến theo một tỷ lệ nhất định, tỷ lệ này có thể tăng giảm tùy thuộc vào mức độ áp dụng, sự tương tác giữa sinh viên với người học, giữa sinh viên và giáo viên nhằm đáp ứng nhu cầu giáo dục càng ngày càng cao của sinh viên

Một số mô hình học tập theo Blended learning đang được áp dụng để giảng dạy cho bậc đại học hiện nay như sau:

Mô hình Face-to-Face Drive: Là mô hình gần nhất với lớp học truyền thống. Sử dụng mô hình giảng dạy truyền thống là chính trong việc giảng dạy, tuy nhiên có ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp tài liệu học tập và thực hiện các bài đánh giá. Theo đó, sinh viên sẽ

dành thời gian để tham gia học tập, trao đổi, thảo luận trực tiếp tại lớp còn việc đọc tài liệu hay thực hiện các bài tập sẽ thông qua Internet. Mô hình này sẽ hiệu quả nhất đối với những lớp học đa dạng nơi mà các học sinh có sự phân khúc khác nhau về khả năng cũng như trình độ hiểu biết.

Mô hình Rotation: Mô hình này chia lớp học ra thành nhiều nhóm với chương trình khác nhau. Một số là hoạt động học online, số khác là học tại lớp. Mô hình cho phép các học viên được học bằng phương pháp tối ưu nhất đối với họ. Sinh viên sẽ học luân phiên giữa 2 mô hình học tập truyền thống và học tập trực tuyến theo một lịch trình đã được công bố. Mô hình này tạo được tính linh hoạt trong việc dạy và học, Giảng viên có thể hỗ trợ sinh viên các nội dung của buổi học trực tuyến vào các buổi học truyền thống dựa theo nhu cầu của người học.

Mô hình Flex: Mô hình Flex giúp người học chủ động kiểm soát quá trình học. Học viên có thể chuyển từ bài này sang bài khác tùy theo nhu cầu của họ. Hoạt động có thể cả online và offline. Giảng viên luôn luôn trực tuyến để giải đáp thắc mắc và hướng dẫn nếu học viên cần. Mô hình này giúp sinh viên phát huy được khả năng tự học, tự nghiên cứu.

Mô hình Online Lab: Trong mô hình online lab, người học tham gia học trực tuyến tại các phòng máy chuyên dùng. Các giám sát viên học sẽ quản lý và giám sát quá trình học của học viên. Mô hình này giảm áp lực về phòng học trực tiếp, giảm số lượng giảng viên, tăng số lượng giám sát viên.

Mô hình Self-Blended: Mô hình này cho phép các khóa học vượt ra ngoài được cung cấp trong môi trường dạy học truyền thống. Sinh viên tham gia các lớp học truyền thống nhưng vẫn có thể đăng ký các khóa học trực tuyến để mở rộng chuyên môn. Mô hình này đòi hỏi sinh viên có động lực học cao và hoàn toàn độc lập.

Mô hình Online Driver: Mô hình này hoàn toàn ngược lại với mô hình học tập truyền thống. Sinh viên sẽ được học tập từ xa và nhận tất cả hướng dẫn thông qua nền tảng trực tuyến. Thông thường, sinh viên sẽ có cơ hội học tập và nếu có thắc mắc sẽ được hỏi đáp trực

tuyển với giảng viên. Mô hình này sẽ phù hợp với những người không thể đến trường hay những học viên bận rộn có vốn thời gian hạn hẹp và cả những sinh viên có động lực muốn học cao hơn, nhanh hơn so với cách truyền thống. Mô hình này có thể áp dụng cho bậc đại học, sau đại học, hệ đại học vừa học vừa làm.

2.3. Ưu điểm của blended learning

Theo thang đo nhận thức của Bloom, mô hình Blended Learning khuyến khích và phát triển các kĩ năng tư duy của sinh viên ở mức độ cao so với mô hình trực tuyến và truyền thống, Mô hình Blended Learning bắt nguồn từ ý tưởng học tập không chỉ là một sự kiện diễn ra một lần mà học tập là một quá trình liên tục. Nó có những ưu điểm như sau:

- Cơ hội hợp tác từ xa: Những sinh viên làm việc cùng nhau trên thực tế trong nỗ lực trí tuệ như một thực hành học tập.

- Tăng tính linh hoạt: Học tập dựa trên công nghệ cho phép sinh viên kiểm soát thời gian và địa điểm học mà không gặp trở ngại. Bằng cách tự theo dõi thời gian và cường độ học của mình, sinh viên dành nhiều thời gian hơn cho những nội dung khó hoặc không quen thuộc.

- Tăng tính tương tác: Học tập kết hợp cung cấp một nền tảng để tạo điều kiện tương tác tốt hơn giữa người học. Sinh viên có khả năng tiếp cận nhiều với người hướng dẫn thông qua email để giải đáp kịp thời các vấn đề khó khăn và được phản hồi ngay lập tức, liên tục trong quá trình học tập

- Học tập tăng cường: Các loại hoạt động học tập bổ sung cải thiện sự tham gia và có thể giúp sinh viên đạt được mức độ học tập cao hơn và có ý nghĩa hơn. Bên cạnh đó, giúp sinh viên phát triển các phẩm chất như tự động viên, tự chịu trách nhiệm, kỉ luật.

- Học cách trở thành công dân ảo: Các kĩ năng học tập kĩ thuật số đang trở thành điều cần thiết để trở thành sinh viên suốt đời và các khóa học kết hợp giúp sinh viên nắm vững các kĩ năng sử dụng nhiều loại công nghệ.

Mô hình Blended Learning gia tăng tính sáng tạo trong giáo dục, tăng khả năng tự giác học tập

và tạo động lực trong giai đoạn đầu triển khai. Đồng thời, mô hình này tạo cơ hội học tập cho mọi người trước những điều kiện khó khăn về cơ sở vật chất, gia tăng tương tác cho sinh viên và Giảng viên thông qua các diễn đàn trao đổi, tinh gọn trong công tác quản lí các hoạt động đào tạo do áp dụng công nghệ. Ngoài ra, có những lợi ích mà mô hình này đem lại cho người sử dụng (nhà trường, giảng viên, người học) như giảm chi phí tài chính cho việc học tập, đi lại; khả năng học tập mọi lúc, mọi nơi; tiết kiệm thời gian; kiểm soát quá trình học tập và nâng cao chất lượng đào tạo.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Từ những ưu điểm mà Blended Learning có được, tác giả đã thực hiện một nghiên cứu nhỏ để xem có thể áp dụng sâu rộng hình thức dạy học này vào giảng dạy các học phần Tiếng Anh được không. Tác giả đã thực hiện 2 phương pháp: mô tả và thực nghiệm:

- + Đánh giá thực trạng của trường.

- + Thực nghiệm giảng dạy ở 2 lớp học phần Tiếng Anh cơ bản 2 và Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán (năm học 2022-2023).

- + Khảo sát ý kiến của 96 sinh viên thuộc các lớp học phần Tiếng Anh cơ bản và Tiếng Anh chuyên ngành (năm học 2022-2023); 6 giảng viên thuộc bộ môn Ngoại ngữ.

4. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Đánh giá thực trạng của trường: đánh giá về điều kiện cơ sở vật chất, quy chế đào tạo, đặc điểm về đội ngũ giảng dạy ngoại ngữ, năng lực tiếng Anh và thái độ học tập của sinh viên.

Thực nghiệm giảng dạy kết hợp:

Tại trường ĐHCN Quảng Ninh, công tác giảng dạy các học phần tiếng Anh được diễn ra tại các lớp học theo phương pháp giảng dạy truyền thống. Tác giả tiến hành áp dụng một số mô hình của Blended Learning vào 2 lớp học phần: Tiếng Anh cơ bản và Tiếng Anh chuyên ngành

Trong 15 tuần học, tác giả đã chia thành 2 giai đoạn: 7 tuần đầu giảng dạy theo hình thức truyền thống; 8 tuần sau giảng dạy theo hình thức kết hợp. Mỗi giai đoạn đều có hình thức kiểm tra đánh giá là một bài kiểm tra viết trực tiếp trên lớp

với thời lượng 50 phút, bài kiểm tra chủ yếu về từ vựng, ngữ pháp, đọc hiểu.

Ở giai đoạn giảng dạy kết hợp, tác giả đã thực hiện:

+ Sử dụng các phần mềm để hỗ trợ giảng dạy trực tuyến: Teams (tạo lớp học ảo và gửi tài liệu); Quizziz (ôn luyện và kiểm tra việc học từ vựng); Liveworksheets (giao bài tập và đánh giá); Azota (tạo đề kiểm tra hàng ngày và đánh giá tự động)

+ Giảng viên cung cấp bài giảng, các bài luyện ngữ pháp, từ vựng, luyện các kỹ năng tiếng Anh bằng cách gửi bản mềm lên thư viện trực tuyến chung của lớp, tạo các bài tập, bài kiểm tra trực tuyến.

+ Sinh viên phải cập nhật thường xuyên các nhiệm vụ mà giảng viên giao, hoàn thành các bài tập với thời hạn được quy định trực tuyến. Các nhiệm vụ này được thực hiện ngay trên lớp học trực tiếp và ngoài thời gian trên lớp.

Điểm kiểm tra kết thúc mỗi giai đoạn được tổng hợp, phân loại theo các mức độ để phân tích và so sánh.

Khảo sát ý kiến của sinh viên và giảng viên: Sau khi kết thúc 15 tuần giảng dạy, tác giả tiến hành khảo sát ý kiến của 96 sinh viên của các lớp đã được trải nghiệm mô hình dạy học kết hợp và ý kiến của các giảng viên bộ môn Ngoại ngữ. Mỗi nhóm có 5 nội dung với 2 lựa chọn: đồng ý/ không đồng ý.

5. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

5.1. Tình hình thực tế chung của nhà trường

Nhà trường: Mô hình Blended Learning kết hợp giữa giảng dạy trực tiếp và giảng dạy trực tuyến, giúp nhà trường tận dụng tối đa các công cụ công nghệ trong việc truyền đạt kiến thức. Mô hình này giúp tiết kiệm chi phí cho cơ sở vật chất do không cần đến nhiều phòng học, thiết bị, và giảng viên như giảng dạy truyền thống. Nhà trường đã có hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng internet. Tuy nhiên nhà trường chưa xây dựng hệ thống quản lý nội dung học tập để có thể truyền tải nội dung học tập đến người học, theo dõi được tiến trình học tập của người học.

Nhà trường chưa có chính sách hỗ trợ giảng viên để khuyến khích giảng viên trong việc đầu tư, nghiên cứu tìm ra các phương pháp giảng dạy hay học thêm các khóa học để phục vụ cho việc thiết kế học liệu trong giảng dạy theo mô hình Blended Learning.

Giảng viên: Mô hình Blended Learning đòi hỏi giảng viên phải thiết kế được học liệu điện tử (Slide bài giảng, video bài giảng, tài liệu tham khảo, ...) phục vụ cho các buổi học trực tuyến. Bộ môn Ngoại ngữ có 6 giảng viên, đều là những giảng viên có kinh nghiệm giảng dạy, có năng lực sư phạm tốt, chuyên môn vững vàng, nhiệt tình với nghề và có kỹ năng áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy.

Sinh viên: Với Blended Learning, sinh viên có thể tự điều chỉnh thời gian và tốc độ học tập của mình. Họ có thể tìm hiểu và học tập theo cách của riêng mình, tạo ra sự linh hoạt và sự tự chủ trong quá trình học tập. Blended Learning yêu cầu sinh viên phải có khả năng tự học và tự quản lý thời gian học tập của mình. Phần lớn sinh viên của trường đều có thể đáp ứng được về trang thiết bị để tham gia Blended Learning (điện thoại thông minh, máy tính). Tuy nhiên, một bộ phận sinh viên chưa thực sự chủ động tự học, còn thụ động với các hoạt động học tập.

5.2. Thực nghiệm giảng dạy một số học phần Tiếng Anh

Để đánh giá xem hình mô hình dạy học kết hợp có hiệu quả hơn hình thức dạy học truyền thống không, tác giả đã cho sinh viên làm các bài kiểm tra trực tiếp trên lớp sau mỗi giai đoạn. Kết quả được thể hiện ở Bảng 1

Bảng 1. Kết quả bài kiểm tra sau 2 giai đoạn của sinh viên

Điểm	Giai đoạn 1		Giai đoạn 2	
	SL	%	SL	%
1-4	19	19,8	13	13,5
5-6	57	59,4	52	54,2
7-8	17	17,7	26	27,1
9-10	3	3,1	5	5,2

Kết quả bài kiểm tra sau 2 giai đoạn cho thấy: có hai chỉ số thay đổi nhiều là: tỷ lệ điểm yếu kém giảm 6,3% và tỷ lệ điểm khá tăng 9,4%; tỷ lệ điểm xuất sắc cũng tăng nhưng không nhiều (2,1%). Ở bài kiểm tra sau giai đoạn 1, sinh viên mắc nhiều lỗi do không thuộc từ vựng, không nắm chắc cấu trúc ngữ pháp, đọc hiểu làm theo cảm tính. Trong bài kiểm tra sau giai đoạn 2, sự thay đổi rõ nhất là khả năng ghi nhớ từ vựng, lỗi ngữ pháp giảm, kỹ năng đọc hiểu có cải thiện nhưng không nhiều. Ngoài sự thay đổi về điểm số, còn có sự thay đổi về tinh thần, thái độ của sinh viên, không khí lớp học khi áp dụng hình thức dạy học kết hợp. Giảng viên bao quát được việc chuẩn bị bài, tự học của sinh viên; không mất nhiều thời gian vào việc kiểm tra đánh giá. Sinh viên tích cực hơn trong việc tự học, một số rất hào hứng với việc sử dụng các phần mềm hỗ trợ việc học. Tuy nhiên, vẫn còn một số sinh viên do năng lực kém, cảm thấy mệt mỏi, không nhiệt tình khi phải tham gia nhiều hoạt động học tập với Blended Learning.

5.3. Khảo sát ý kiến giảng viên và sinh viên

Sau khi kết thúc đợt học, tác giả lấy ý kiến của giảng viên và sinh viên để đánh giá về thái độ, sự sẵn sàng đối với mô hình dạy học kết hợp.

Bảng 2. Kết quả khảo sát ý kiến của sinh viên

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý	
		SL	%	SL	%
1	Điều kiện và khả năng của tôi đáp ứng được với mô hình Blended Learning.	81	84,4	15	15,6
2	Blended Learning giúp việc học tiếng Anh thú vị hơn.	65	67,7	31	32,3
3	Tôi phải tự học nhiều hơn khi học với mô hình Blended Learning.	96	100	0	0
4	Tôi thấy linh hoạt và sáng tạo hơn khi học với mô hình Blended Learning	58	60,4	38	39,6
5	Tôi thích Blended Learning hơn dạy học truyền thống.	64	66,7	32	33,3

Theo phân tích kết quả phiếu khảo sát, đa số sinh viên (84,4%) sẵn sàng và có đủ điều kiện để tham gia mô hình dạy học kết hợp. Trong số đó có tới 66,7 % bày tỏ rõ quan điểm là thích mô hình Blended Learning hơn hình thức học truyền thống. 100% sinh viên được hỏi đều cho rằng: khi tham gia hình thức dạy học kết hợp thì buộc phải tự học nhiều hơn do lượng bài tập của giảng viên giao phủ khắp, có thời hạn và giảng viên có thể kiểm tra đến từng sinh viên. Hưởng ứng với hình thức dạy học kết hợp nên nhiều sinh viên (67,7%) cảm thấy đây là hình thức học rất thú vị, không nhàm chán, có 60,4 % sinh viên cho rằng bản thân thấy năng động và sáng tạo hơn khi tham gia mô hình học này. Như vậy, đa số sinh viên khi đã được trải nghiệm mô hình dạy học kết hợp, có đủ điều kiện và có tâm thế sẵn sàng, thái độ tích cực tham gia mô hình dạy học này.

Bảng 3. Kết quả khảo sát ý kiến của giảng viên

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý	
		SL	%	SL	%
1	Tôi đã từng áp dụng mô hình Blended Learning.	6	100	0	0
2	Blended Learning hiệu quả hơn dạy học truyền thống.	4	66,7	2	33,3
3	Blended Learning cần nhiều thời gian, kỹ năng để chuẩn bị bài giảng.	6	100	0	0
4	Blended Learning giúp việc kiểm tra việc tự học và đánh giá sinh viên dễ dàng và bao quát hơn.	5	83,3	1	16,7
5	Tôi sẽ áp dụng Blended Learning nhiều hơn.	5	83,3	1	16,7

Bảng 3 cho thấy: mô hình dạy học kết hợp không còn xa lạ với các giảng viên. Tất cả các giảng viên của bộ môn Ngoại ngữ đã đều áp dụng hình thức dạy học này, đặc biệt trong thời kỳ phòng chống đại dịch Covid, Blended Learning đã chiếm ưu thế. Chỉ có 1/3 số giảng viên (33,3%) cho rằng Blended Learning không hiệu quả hơn hình thức dạy học truyền thống, có thể do cảm nhận từ việc tự học, tính tự chủ trong học tập của sinh viên còn thấp dẫn đến không hiệu quả trong

việc hoàn thành nhiệm vụ học tập và tương tác trực tuyến. 100% giảng viên đều cho rằng để áp dụng mô hình dạy học kết hợp có hiệu quả thì giảng viên phải mất rất nhiều thời gian tìm hiểu các ứng dụng, có kỹ năng tốt trong sử dụng công nghệ thông tin để chuẩn bị bài giảng. Nhưng đổi lại, 83,3% giảng viên đồng ý là: Blended Learning giúp việc kiểm tra việc tự học và đánh giá sinh viên dễ dàng, nhanh chóng và bao quát hơn. Nhận thức rõ những ưu điểm của Blended Learning, 5/6 giảng viên xác nhận sẽ áp dụng nhiều hơn mô hình dạy học này.

Qua nghiên cứu, mặc dù điều kiện cơ sở vật chất và quy chế của nhà trường chưa đáp ứng được nhiều mô hình Blended Learning trong giảng dạy tiếng Anh, nhưng giảng viên và đa số sinh viên có thái độ tích cực, sẵn sàng tham gia vào mô hình này và hiệu quả cũng đã được ghi nhận.

6. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT VIỆC ÁP DỤNG MÔ HÌNH BLENDED LEARNING VÀO GIẢNG DẠY TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐHCN QUẢNG NINH

Để mô hình Blended Learning có thể được áp dụng có hiệu quả với tất cả các lớp học phần Tiếng Anh, tác giả có một số đề xuất sau

6.1. Đối với nhà trường

Đầu tư cơ sở vật chất: lắp đặt hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu cho giảng viên, sinh viên trong quá trình dạy – học như: gửi hoặc tải tài liệu, làm bài tập, kiểm tra, đánh giá trực tuyến..... Xây dựng hệ thống quản lý nội dung học tập của thư viện, cung cấp tài liệu điện tử liên quan đến tiếng Anh, phần mềm, ứng dụng như: sách điện tử, video dạy học, bài giảng điện tử...

Khuyến khích giảng viên đầu tư cho mô hình dạy học Blended Learning bằng cách: xây dựng quy chế hỗ trợ giảng viên khi áp dụng mô hình này trong giảng dạy tiếng Anh. Tạo điều kiện cho giảng viên thường xuyên được tham gia các khóa tập huấn sử dụng phần mềm dạy học tiếng Anh.

Kết nối với các trường đại học đã áp dụng hiệu quả mô hình Blended Learning để trao đổi, chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm xây dựng hệ thống

quản lý, nguồn học liệu, quy chế hỗ trợ giảng viên,...

6.2. Đối với giảng viên

Giảng viên cần xác định rõ mục tiêu học tập của các học phần để thiết kế chương trình học phù hợp với mô hình Blended Learning, lập kế hoạch giảng dạy chi tiết, thể hiện rõ tỷ lệ phần trăm mô hình học tập truyền thống và mô hình học tập trực tuyến. Đầu tư thêm thời gian lựa chọn các tài nguyên trực tuyến phù hợp như video, bài giảng trực tuyến, tài liệu học tập, trò chơi, và các hoạt động trực tuyến khác để hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập.

Thiết kế các hoạt động học tập kết hợp giữa học trực tuyến và học truyền thống để tăng tính tương tác và đa dạng hoạt động học tập, xây dựng các bài kiểm tra trực tuyến để đánh giá tiến độ học tập của sinh viên và cung cấp phản hồi nhanh chóng. Giảng viên cần cung cấp cơ hội cho sinh viên tương tác với nhau và hỗ trợ học tập thông qua các nền tảng trực tuyến như diễn đàn, email, trò chuyện trực tuyến và các hình thức khác, cập nhật và cải tiến chương trình học để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên và giúp tăng tính hiệu quả trong quá trình học tập.

6.3. Đối với sinh viên

Để có thể tham gia vào quá trình học tập theo mô hình Blended learning sinh viên cần có các công cụ để phục vụ cho học trực tuyến như: điện thoại, laptop, hệ thống kết nối mạng, ... Mô hình Blended Learning yêu cầu sinh viên có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong học tập như: sử dụng phần mềm học tiếng Anh, tải hoặc gửi tài liệu học tập, chơi trò chơi và các hoạt động trực tuyến khác.

Mô hình Blended Learning yêu cầu sinh viên phải có khả năng tự học và tự quản lý thời gian học tập của mình. Sinh viên cần phải tập trung và chăm chỉ trong quá trình học tập để có thể theo kịp các hoạt động học tập và hoàn thành bài tập.

Để đạt được hiệu quả học tập cao khi tham gia mô hình học tập Blended Learning, ngoài sự ảnh hưởng của các yếu tố như: trang thiết bị, phương pháp giảng dạy, tài liệu ... thì một yếu tố cũng rất quan trọng đó là bản thân sinh viên luôn

xác định tâm lý thoải mái, tích cực làm quen với phương pháp học mới, tìm ra phương pháp học phù hợp với bản thân. Tăng cường trao đổi, hỗ trợ lẫn nhau, luôn có ý thức trau dồi, nâng cao các kỹ năng mềm.

7. KẾT LUẬN

Với đặc điểm là sự linh hoạt, sáng tạo và tự chủ, mô hình học tập Blended Learning đã góp phần vào công cuộc đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo. Tham gia vào mô hình học tập này tất cả mọi người đều có thể chủ động học tập theo năng lực, điều kiện của

mình và hơn nữa, năng lực tự nghiên cứu của sinh viên được phát huy tối đa. Để áp dụng thành công mô hình học tập kết hợp, rất cần sự thay đổi đồng bộ từ cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, đội ngũ giảng viên và đặc biệt là bản thân người học để đáp ứng được yêu cầu của quá trình học tập.

Để hưởng lợi nhiều hơn từ mô hình Blended Learning, các giảng viên thuộc bộ môn Ngoại ngữ của trường nên từng bước nghiên cứu áp dụng rộng rãi mô hình này cho các tất cả các lớp học phần tiếng Anh với mục tiêu nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Anh trong toàn Trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Davis, H. C., & Fill, K. (2007). Embedding blended learning in a university's teaching culture: Experiences and reflections. *British Journal of Educational Technology*, 38(5), pp.817-828.
2. Neumeier, P. (2005). A closer look at blended learning: Parameters for designing a blended learning environment for language teaching and learning. *ReCALL* 17(2), pp.163–178.
3. Bonk và Graham (2006). *The Blended Course Design Workbook: A Practical Guide*, Stylus Publishing, United State.
4. Nam, N. D. (2007). Các mức độ ứng dụng E - learning ở trường Đại học sư phạm. *Tạp chí Giáo dục*, số 175.
5. Mai, N. T. (2023). Đào tạo kết hợp trong các trường đại học – Đánh giá của người học. *Tạp chí Công thương điện tử*, số 2.

Thông tin của tác giả:

ThS. Đồng Thị An Sinh

Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

Điện thoại: +(84).978.374.245 - Email: dongthiansinh@qui.edu.vn

APPLICATION OF BLENDED LEARNING FORM IN TEACHING ENGLISH TO STUDENTS OF QUANG NINH UNIVERSITY OF INDUSTRY

Information about authors:

Dong Thi An Sinh, M.A., Quang Ninh University of Industry. Email: dongthiansinh@qui.edu.vn

ABSTRACT:

The current method of teaching and learning online is considered the optimal solution today when learners cannot participate in learning in the traditional way. However, at present, to achieve the optimal effect of this method, both teachers and learners need time to change and adapt, which is the reason for the birth of Blended learning model. This model is a combination of traditional and online teaching and learning, which both promotes the advantages of traditional teaching methods and helps teachers and learners have time to get used to them with on line model. On the basis of teaching experience

and surveys of lectures and students, the author has made some suggestions to be able to teach English courses at Quang Ninh University of Industry.

Keywords: *Blended learning, Online learning, Teaching English, Traditional teaching.*

REFERENCES

1. Davis, H. C., & Fill, K. (2007). Embedding blended learning in a university's teaching culture: Experiences and reflections. *British Journal of Educational Technology*, 38(5), pp.817-828.
2. Neumeier, P. (2005). A closer look at blended learning: Parameters for designing a blended learning environment for language teaching and learning. *ReCALL* 17(2), pp.163–178.
3. Bonk và Graham (2006). *The Blended Course Design Workbook: A Practical Guide*, Stylus Publishing, United State.
4. Nam, N. D. (2007). Levels of application of E- learning in University of Pedagogy. *Education Magazine*, No 175.
5. Mai, N. T. (2023). Combined training in universities – Learners' reviews. *Electronic industry and comerce magazine*, No 2.

Ngày nhận bài: 04/9/2023;

Ngày gửi phản biện: 05/9/2023;

Ngày nhận phản biện: 20/9/2023;

Ngày chấp nhận đăng: 22/9/2023.